|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN****TỈNH LÀO CAI**Số: /2019/QĐ-UBND | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc*Lào Cai, ngày tháng năm 2019* |

**Dự thảo 2**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trang thông tin điện tử và mạng xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số*[*43/2011/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-43-2011-nd-cp-cung-cap-thong-tin-va-dich-vu-cong-truc-tuyen-125408.aspx)*ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số*[*72/2013/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-72-2013-nd-cp-quan-ly-cung-cap-su-dung-dich-vu-internet-va-thong-tin-tren-mang-201110.aspx)*ngày 15/7/2013 của Chính phủ về Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số /TTr-STTTT ngày / /2019.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trang thông tin điện tử và mạng xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:**

*1. Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi như sau:*

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Giấy phép thiết lập mạng xã hội khi có đủ điều kiện theo quy định tại Điểm a Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 27/2018/NĐ-CP).

Cụ thể:

a) Là tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề đăng ký kinh doanh phù hợp với dịch vụ và nội dung thông tin cung cấp đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

b) Có tổ chức, nhân sự đáp ứng theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 3 điều này;

c) Đã đăng ký tên miền sử dụng để thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội và đáp ứng quy định tại Điểm c Khoản 3 điều này;

d) Đáp ứng các điều kiện về kỹ thuật theo quy định tại Điểm d Khoản 3 điều này;

đ) Có biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh thông tin và quản lý thông tin theo quy định tại Điểm đ Khoản 3 điều này.

*2. Khoản 3 Điều 9 được sửa đổi như sau:*

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đề nghị cấp phép thiết lập mạng xã hội thực hiện theo quy trình, thủ tục được quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP.

*3. Điều 10 được sửa đổi như sau:*

a) Điều kiện về nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin.

- Có ít nhất 01 nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin là người có quốc tịch Việt Nam hoặc đối với người nước ngoài có thẻ tạm trú do cơ quan có thẩm quyền cấp còn thời hạn ít nhất 06 tháng tại Việt Nam kể từ thời điểm nộp hồ sơ;

- Có bộ phận quản lý nội dung thông tin.

b) Điều kiện về nhân sự bộ phận kỹ thuật.

Bộ phận quản lý kỹ thuật có tối thiểu 01 người đáp ứng quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II (kèm theo Quyết định này).

c) Điều kiện về tên miền

- Đối với tổ chức, doanh nghiệp không phải là cơ quan báo chí, dãy ký tự tạo nên tên miền không được giống hoặc trùng với tên cơ quan báo chí.

- Trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội sử dụng ít nhất 01 tên miền “.vn” và lưu giữ thông tin tại hệ thống máy chủ có địa chỉ IP ở Việt Nam.

- Trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội của cùng một tổ chức, doanh nghiệp không được sử dụng cùng một tên miền.

- Tên miền “.vn” phải còn thời hạn sử dụng ít nhất là 06 tháng tại thời điểm đề nghị cấp phép và phải tuân thủ quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet. Đối với tên miền quốc tế phải có xác nhận sử dụng tên miền hợp pháp.

d) Điều kiện về kỹ thuật đối với trang thông tin điện tử tổng hợp

Thiết lập hệ thống thiết bị kỹ thuật có khả năng đáp ứng các yêu cầu sau:

-Lưu trữ tối thiểu 90 ngày đối với nội dung thông tin tổng hợp kể từ thời điểm đăng tải; lưu trữ tối thiểu 02 năm đối với nhật ký xử lý thông tin được đăng tải;

-Tiếp nhận và xử lý cảnh báo thông tin vi phạm từ người sử dụng;

-Phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn truy nhập bất hợp pháp, các hình thức tấn công trên môi trường mạng và tuân theo những tiêu chuẩn đảm bảo an toàn thông tin;

- Có phương án dự phòng bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục và khắc phục khi có sự cố xảy ra, trừ những trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật;

- Đảm bảo phải có ít nhất 01 hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam, cho phép tại thời điểm bất kỳ có thể đáp ứng việc thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp thông tin trên toàn bộ các trang thông tin điện tử do tổ chức, doanh nghiệp sở hữu theo các quy định trên.

đ) Điều kiện về quản lý nội dung thông tin đối với trang thông tin điện tử tổng hợp

- Có quy trình quản lý thông tin công cộng: Xác định phạm vi nguồn thông tin khai thác, cơ chế quản lý, kiểm tra thông tin trước và sau khi đăng tải;

- Có cơ chế kiểm soát nguồn tin, đảm bảo thông tin tổng hợp đăng tải phải chính xác theo đúng thông tin nguồn;

- Có cơ chế phối hợp để có thể loại bỏ ngay nội dung vi phạm Khoản 1 Điều 5 Nghị định [72/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-72-2013-nd-cp-quan-ly-cung-cap-su-dung-dich-vu-internet-va-thong-tin-tren-mang-201110.aspx) chậm nhất sau 03 giờ kể từ khi tự phát hiện hoặc có yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông hoặc cơ quan cấp phép (bằng văn bản, điện thoại, email).

*4. Điều 11 được sửa đổi như sau:*

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép trang thông tin điện tử tổng hợp được lập thành 01 bộ, gồm có:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (theo mẫu);

- Bản sao hợp lệ bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập (hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13); Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể);

Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động phải có chức năng nhiệm vụ phù hợp với nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp;

- Đề án hoạt động có chữ ký, dấu của người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép, bao gồm các nội dung chính: Mục đích cung cấp thông tin; nội dung thông tin, các chuyên mục dự kiến; nguồn tin chính thức, bản in trang chủ và các trang chuyên mục chính; phương án nhân sự, kỹ thuật, quản lý thông tin, tài chính bảo đảm hoạt động của trang thông tin điện tử tổng hợp phù hợp với các quy định Khoản 1 Điều này; thông tin địa điểm đặt hệ thống máy chủ tại Việt Nam;

- Văn bản chấp thuận của các tổ chức cung cấp nguồn tin để đảm bảo tính hợp pháp của nguồn tin.

b) Quy trình, thủ tục cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp

- Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép được gửi trực tiếp, qua đường bưu chính hoặc qua mạng Internet đến Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông xem xét cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Trường hợp từ chối, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ của các cơ quan báo chí địa phương, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thẩm định và chuyển hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị cấp giấy phép đến Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

*5. Điều 12 được sửa đổi như sau:*

a) Các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp đến Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định, xem xét, cấp giấy phép. Trường hợp từ chối, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

b) Sửa đổi, bổ sung giấy phép

- Tổ chức, doanh nghiệp có giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép trong những trường hợp sau: Thay đổi tên của tổ chức, doanh nghiệp; thay đổi địa điểm đặt máy chủ tại Việt Nam; thay đổi nhân sự chịu trách nhiệm; thay đổi, bổ sung nội dung thông tin, phạm vi cung cấp thông tin (tên miền khi cung cấp trên trang thông tin điện tử, hệ thống phân phối ứng dụng khi cung cấp cho các thiết bị di động) đối với trang thông tin điện tử tổng hợp; thay đổi loại hình dịch vụ, phạm vi cung cấp dịch vụ (tên miền khi cung cấp trên trang thông tin điện tử, hệ thống phân phối ứng dụng khi cung cấp cho các thiết bị di động) đối với mạng xã hội;

- Tổ chức, doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị nêu rõ nội dung, lý do cần sửa đổi, bổ sung và các tài liệu chứng minh có liên quan đến cơ quan cấp giấy phép;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định, cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép đã cấp. Trường hợp từ chối, cơ quan cấp giấy phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

c) Gia hạn giấy phép

- Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn giấy phép, tổ chức, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép đã được cấp, gửi văn bản đề nghị gia hạn nêu rõ thời hạn gia hạn;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép thẩm định, cấp gia hạn giấy phép đã cấp. Trường hợp từ chối, cơ quan có thẩm quyền cấp phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;

- Giấy phép được gia hạn không quá 02 lần; mỗi lần không quá 02 năm.

d) Cấp lại giấy phép

- Trường hợp giấy phép bị mất hoặc bị hư hỏng không còn sử dụng được, tổ chức, doanh nghiệp có giấy phép gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy phép đến cơ quan cấp giấy phép. Văn bản đề nghị phải nêu rõ số giấy phép, ngày cấp của giấy phép đã cấp và lý do đề nghị cấp lại giấy phép. Trường hợp giấy phép bị hư hỏng thì phải gửi kèm theo bản giấy phép bị hư hỏng;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ này nhận được văn bản đề nghị, cơ quan cấp giấy phép xem xét, cấp lại giấy phép. Trường hợp từ chối, cơ quan cấp giấy phép có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

đ) Trang thông tin điện tử tổng hợp đã được cấp phép khi có sự thay đổi chủ sở hữu; địa chỉ trụ sở chính thì phải thông báo đến Sở Thông tin và Truyền thông trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi. Nội dung thông báo bao gồm: Tên tổ chức, doanh nghiệp; số giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp; những nội dung thay đổi.

Khi nhận thông báo, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm gửi giấy xác nhận cho tổ chức, doanh nghiệp trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

*6. Bổ sung Điều 12a như sau:*

**Điều 12a. Trình tự thủ tục đình chỉ, thu hồi Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp**

1. Cơ quan cấp phép ban hành Quyết định đình chỉ Giấy phép trang thông tin điện tử tổng hợp trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày ban hành Quyết định khi tổ chức, doanh nghiệp vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm quy định tại điểm d, đ, e Khoản 1 Điều 5 Nghị định 72/2013/NĐ-CP;

b) Không đáp ứng đủ các Điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này sau khi đã được cơ quan cấp phép yêu cầu khắc phục bằng văn bản.

2. Cơ quan cấp phép thu hồi giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp khi tổ chức, doanh nghiệp vi phạm quy định tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều 5 Nghị định 72/2013/NĐ-CP hoặc hai lần bị đình chỉ giấy phép.

3. Trình tự, thủ tục thu hồi, đình chỉ giấy phép

a) Cơ quan cấp phép ra Quyết định đình chỉ giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp khi tổ chức, doanh nghiệp vi phạm.

b) Cơ quan cấp phép ra thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp khắc phục vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này. Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn yêu cầu trong văn bản thông báo mà tổ chức, doanh nghiệp không khắc phục thì cơ quan cấp phép ra quyết định đình chỉ giấy phép.

c) Cơ quan cấp phép ra quyết định thu hồi giấy phép khi tổ chức, doanh nghiệp vi phạm quy định tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều 5 Nghị định 72/2013/NĐ-CP hoặc hai lần bị đình chỉ giấy phép.

**Điều 2. Bãi bỏ một số điều, khoản của Quy định quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trang thông tin điện tử và mạng xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:**

1. Bãi bỏ Khoản 5 Điều 5.

2. Bãi bỏ Điều 20.

**Điều 3.** **Hiệu lực** **và điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2019.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*-Văn phòng Chính phủ;- Bộ Thông tin và Truyền thông;- TT: Tỉnh uỷ, HĐND; UBND tỉnh;- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp; -Uỷ ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;- Sở Tư pháp; - Như điều 3 QĐ;- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;- Báo Lào Cai; Đài PTTH tỉnh; Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;- L­ưu: VT, VX. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH****Đặng Xuân Phong** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,DOANH NGHIỆP-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: | *………., ngày       tháng     năm* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THIẾT LẬP**

**TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TỔNG HỢP**

Kính gửi:…………………………………………………..

1. Tên cơ quan chủ quản (nếu có): ........................................................................

2. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp: ..........

3. Mục đích thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp: ..........................................

4. Nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp; các chuyên Mục, loại hình thông tin:

5. Đối tượng phục vụ: ............................................................................................

6. Nguồn tin: ..........................................................................................................

7. Phạm vi cung cấp thông tin: ..............................................................................

a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền: ..........................................................

b) Qua hệ thống phân phối ứng dụng khi cung cấp cho các thiết bị di động: ........

…………………………………………………………………………………….

8. Nhà cung cấp dịch vụ kết nối Internet: ..............................................................

9. Địa điểm đặt máy chủ tại Việt Nam: .................................................................

10. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung trang thông tin điện tử tổng hợp:

- Họ và tên: .............................................................................................................

- Chức danh: ...........................................................................................................

- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động): .....................................................

11. Trụ sở: ..............................................................................................................

Điện thoại: …………………………..Fax: ........................................................

Email: ....................................................................................................................

12. Thời gian đề nghị cấp phép: ……..năm ……tháng.

Cam đoan thực hiện đúng các quy định về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên; - Cơ quan chủ quản (nếu có); ……………………………………… | **NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP***(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)* |

(Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

**PHỤ LỤC I**

**KỸ NĂNG QUẢN TRỊ MẠNG TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ***(Kèm theo Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã tham chiếu** | **Nội dung/Yêu cầu cần đạt** |
| IU13.1 | Kiến thức cơ bản về trang thông tin điện tử (website), xuất bản website và các vấn đề liên quan |
| IU13.1.1 | Các khái niệm và thuật ngữ chính |
| IU13.1.1.1 | Hiểu khái niệm ứng dụng web. Biết phân biệt web với các dịch vụ Internet hỗ trợ khác (Ví dụ: truyền tệp, thư điện tử, nhắn tin). |
| IU13.1.1.2 | Hiểu khái niệm máy chủ web (web server), trình duyệt (browser) và sự tương tác giữa chúng. Hiểu các khái niệm miền (domain), URL (Uniform Resource Locator), siêu liên kết, thuê máy chủ web (web hosting), bộ tìm kiếm (search engine). |
| IU13.1.1.3 | Biết khái niệm giao thức (protocol). Phân biệt các giao thức TCP/IP, HTTP, FTP. |
| IU13.1.2 | Xuất bản website |
| IU13.1.2.1 | Hiểu khái niệm xuất bản trang web (webpage), website. Biết các công việc cần làm để sở hữu một website (đăng ký tên miền, chọn dịch vụ thuê máy chủ). |
| IU13.1.2.2 | Biết các bước để xây dựng một website như hoạch định, thiết kế, cập nhật nội dung, tải lên máy chủ web, phát hành và bảo trì. Biết các nhân tố quan trọng tạo nên một website hiệu quả như hỗ trợ tìm kiếm, hỗ trợ tải nội dung. |
| IU13.1.2.3 | Biết các kỹ thuật tối ưu hóa trình tìm kiếm trên website như siêu dữ liệu, sơ đồ cấu trúc của website và liên kết website. |
| IU13.1.2.4 | Biết các nhân tố ảnh hưởng đến tốc độ tải xuống một trang web. Nhận biết các định dạng tệp âm thanh, video, đồ họa phù hợp để tối ưu hóa tốc độ tải xuống. |
| IU13.1.2.5 | Hiểu thuật ngữ bản quyền (copyright) đối với các nội dung trên các website. |
| IU13.1.2.6 | Hiểu cần phải tuân thủ các quy định của luật pháp nơi website được đặt đối với việc đăng tải nội dung trên website. |
| IU13.2 | Thiết kế website |
| IU13.2.1 | Cơ bản về HTML |
| IU13.2.1.1 | Hiểu khái niệm HTML (HyperText Markup Language) - ngôn ngữ để viết mã nguồn của một ứng dụng web. Hiểu khái niệm thẻ đánh dấu (tag) và công dụng. Biết cú pháp của một câu lệnh HTML. Biết về Liên minh W3C (World Wide Web consortium) và các khuyến nghị phát triển HTML của W3C. |
| IU13.2.1.2 | Biết sử dụng các thẻ đánh dấu để cấu trúc việc trình bày một trang web (<html>, <head>, <title>, <body>) và để thể hiện một trang web (<h1>, <h2>, <p>, <br>, <a>, <img>). |
| IU13.2.2 | Hoạch định và thiết kế website |
| IU13.2.2.1 | Biết quy trình và các kỹ thuật để hoạch định và thiết kế website (xác định đối tượng phục vụ chính và phân tích, đánh giá nhu cầu của đối tượng này, xây dựng các kịch bản tìm kiếm và khai thác thông tin, lập sơ đồ cấu trúc của website, sơ đồ tìm kiếm). |
| IU13.2.2.2 | Biết sử dụng các Phần mềm ứng dụng làm website. Biết sử dụng Phần trợ giúp của Phần mềm này. |
| IU13.2.2.3 | Biết tạo, ghi trang web, website mới tạo lên thiết bị lưu trữ, Biết cách sử dụng các trang web mẫu để tạo trang web. |
| IU13.2.2.4 | Biết biên tập tên trang web. |
| IU13.2.2.5 | Biết cách sử dụng trình duyệt để xem mã nguồn dạng HTML của một trang web. Biết chuyển qua lại giữa mã nguồn và trang web. |
| IU13.2.2.6 | Hiểu cách đặt các thông số chính trong Phần mềm phát triển web như trình duyệt mặc định dùng xem trước nội dung, cách mã hóa, phông chữ mặc định. Biết các kinh nghiệm tốt khi trình bày (ví dụ: chọn phông chữ). |
| IU13.3 | Xây dựng nội dung cho website |
| IU13.3.1 | Văn bản, đoạn, trang |
| IU13.3.1.1 | Biết cách nhập, biên tập, xóa văn bản. |
| IU13.3.1.2 | Biết các cách định dạng phông chữ như tên, cỡ, đậm, nghiêng, kiểu dáng và màu. |
| IU13.3.1.3 | Biết cách chọn một đoạn, cách đưa vào/loại bỏ các dấu ngắt đoạn, ngắt dòng. |
| IU13.3.1.4 | Biết các cách định dạng đoạn như đặt lề, thụt dòng, đánh số, đánh dấu đầu dòng (bullet). |
| IU13.3.1.5 | Biết cách định dạng một trang web, cách đặt lề, xử lý màu nền, ảnh nền. |
| IU13.3.2 | Siêu liên kết |
| IU13.3.2.1 | Hiểu khái niệm siêu liên kết (hyperlink), phân biệt siêu liên kết tuyệt đối và tương đối. |
| IU13.3.2.2 | Biết nhập, biên tập và hủy một siêu liên kết thông thường, một siêu liên kết thư điện tử. |
| IU13.3.2.3 | Biết cách xác định đích của siêu liên kết trên cùng cửa sổ, khác cửa sổ. |
| IU13.3.1.4 | Biết cách thay đổi màu siêu liên kết truy cập (visited), không truy cập (unvisited), hoạt động (active). |
| IU13.3.1.5 | Biết khái niệm và cách sử dụng neo (anchor). |
| IU13.3.3 | Bảng |
| IU13.3.3.1 | Biết cách đưa một bảng lên trang web, cách xóa bảng khỏi trang web. |
| IU13.3.3.2 | Biết cách thêm, xóa tiêu đề (caption) của bảng. Biết cách thêm, xóa dòng, cột; thay đổi độ rộng cột, độ cao dòng; hợp, tách các ô của bảng. |
| IU13.3.3.3 | Biết cách căn lề bảng theo lề trái, giữa, phải; cách thay đổi độ rộng biên của bảng; thay đổi các tham số ô. |
| IU13.3.3.4 | Biết cách trang trí bảng: thay đổi màu nền, hình minh họa, ảnh nền của ô và toàn bảng; thêm, loại bỏ đồ họa, ảnh nền của bảng. |
| IU13.3.4 | Ảnh, minh họa |
| IU13.3.4.1 | Biết cách thêm vào, gỡ bỏ một ảnh trên trang web. |
| IU13.3.4.2 | Biết cách đặt, thay đổi thuộc tính cho ảnh như kích thước, biên, căn lề. |
| IU13.3.5 | Biểu mẫu |
| IU13.3.5.1 | Biết cách nhập biểu mẫu (form) lên trang web. |
| IU13.3.5.2 | Biết cách thêm, loại bỏ các trường của biểu mẫu: văn bản (text), hộp thả xuống (drop-down), hộp đánh dấu (check box), nút radio (radio button). Biết cách đặt, thay đổi đặc tính các trường trên. |
| IU13.3.5.3 | Biết cách gửi một kết xuất biểu mẫu qua thư điện tử. |
| IU13.4 | CSS (Cascading Style Sheets) |
| IU13.4.1 | Khái niệm CSS |
| IU13.4.1.1 | Hiểu khái niệm CSS, công dụng và lợi ích của CSS. Biết cách sử dụng các kiểu định dạng (style): trong dòng (inline), bên trong (internal), bên ngoài (external). |
| IU13.4.1.2 | Hiểu cấu trúc của một quy tắc CSS và biết cách áp dụng để chọn và khai báo đặc tính, giá trị. Biết cách tạo, thay đổi quy tắc CSS: màu, nền, phông chữ. |
| IU13.4.1.3 | Biết cách tạo, ghi một tệp CSS mới. |
| IU13.4.1.4 | Biết cách nhúng một CSS ngoài vào trang web. |
| IU13.5 | Tải lên máy chủ và phát hành web |
| IU13.5.1 | Kiểm tra |
| IU13.5.1.1 | Biết cách xác định và xử lý các liên kết bị đứt trong một website. |
| IU13.5.1.2 | Biết cách áp dụng kiểm tra chính tả tự động; biết cách để đảm bảo sự tương thích của nội dung và trình duyệt; biết đưa các thông tin giúp theo dõi và cập nhật trang (ngày sửa đổi gần nhất, thông tin về Phần mềm dùng để mở và xem). |
| IU13.5.2 | Phát hành |
| IU13.5.2.1 | Hiểu tiến trình tải nội dung lên máy chủ web, tải một website xuống từ một máy chủ web. |
| IU13.5.2.2 | Biết cách tải lên, tải xuống một website. |

**PHỤ LỤC II**

**KỸ NĂNG AN TOÀN, BẢO MẬT THÔNG TIN***(kèm theo Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã tham chiếu** | **Nội dung/Yêu cầu cần đạt** |
| **IU14.1** | **Kiến thức cơ bản về an toàn thông tin** |
| **IU14.1.1** | **Các nguy cơ mất an toàn thông tin** |
| IU14.1.1.1 | Biết phân biệt giữa dữ liệu và thông tin. Biết cách thức lưu trữ, vận chuyển dữ liệu và thông tin trong môi trường truyền thông. |
| IU14.1.1.2 | Hiểu các loại nguy cơ đối với dữ liệu: mất cắp, mất an toàn (safety) về vật lý (hư hỏng môi trường lưu giữ, các thảm họa - chiến tranh, thiên tai, cháy nổ), không đảm bảo an toàn thông tin trong khai thác, sử dụng. |
| IU14.1.1.3 | Hiểu nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn thông tin: từ nhân viên, các nhà cung cấp dịch vụ, từ các cá nhân bên ngoài. Hiểu khái niệm tội phạm mạng (cybercrime). |
| IU14.1.1.4 | Biết các điểm yếu của máy tính cá nhân (lây nhiễm virus và các Phần mềm độc hại - malware). |
| IU14.1.1.5 | Biết về các lỗ hổng bảo mật hệ thống: của hệ Điều hành, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, dịch vụ Internet. Biết các khái niệm và phương thức hoạt động của các thiết bị bảo mật. |
| **IU14.1.2** | **Các lĩnh vực an toàn thông tin** |
| IU14.1.2.1 | Hiểu và phân biệt việc đảm bảo an toàn cho tổ chức như chính phủ, doanh nghiệp và đảm bảo an toàn cho cá nhân khi tham gia các hoạt động trên mạng. |
| IU14.1.2.2 | Biết các đặc trưng cơ bản của an toàn thông tin: tính mật, tính toàn vẹn, tính sẵn sàng, tính xác thực. |
| IU14.1.2.3 | Biết các quy định phổ biến về bảo vệ, gìn giữ và kiểm soát dữ liệu, sự riêng tư tại Việt Nam. |
| IU14.1.2.4 | Hiểu vai trò của các lĩnh vực liên quan đến an toàn dữ liệu: chính sách, tổ chức, biện pháp quản lý và các giải pháp công nghệ. |
| IU14.1.2.5 | Biết về tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 27001:2009. Biết một số chính sách cơ bản về an toàn thông tin và một số văn bản pháp luật về an toàn thông tin của Việt Nam. Hiểu tầm quan trọng của việc xây dựng và thi hành chính sách an toàn thông tin đối với việc ứng dụng CNTT. |
| **IU14.2** | **Các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu** |
| **IU14.2.1** | **Phòng chống virus** |
| IU14.2.1.1 | Hiểu cách virus thâm nhập vào máy tính (ví dụ: khi sao chép các tệp vào máy tính, khi mở thư điện tử và các tệp đính kèm thư). Biết cách chủ động phòng, tránh virus cho máy tính cá nhân như tuân thủ chặt chẽ các quy tắc kiểm soát khi sao chép các tệp lạ, cài đặt Phần mềm; sử dụng các Phần mềm chống virus, Phần mềm an ninh mạng đúng cách. |
| IU14.2.1.2 | Hiểu tác dụng và hạn chế chung của Phần mềm diệt virus, Phần mềm an ninh mạng. Biết cách sử dụng hiệu quả các Phần mềm diệt virus, Phần mềm an ninh mạng và cập nhật thường xuyên các Phần mềm này. |
| **IU14.2.2** | **Phòng chống lấy cắp thông tin cá nhân** |
| IU14.2.2.1 | Hiểu về thông tin cá nhân: thông tin định danh (identity), tài Khoản cá nhân (tên người dùng, mật khẩu truy nhập); thông tin cá nhân, tài chính, kinh doanh, pháp lý và một số chi tiết liên quan đến cá nhân có thể bị lợi dụng, xâm hại khác. |
| IU14.2.2.2 | Hiểu cách thức thông tin cá nhân được sử dụng: để truy nhập vào máy tính, vào tệp, vào mạng và khai báo trong các giao dịch trên mạng. |
| IU14.2.2.3 | Hiểu cách thông tin cá nhân có thể bị lấy cắp thông qua các Phần mềm độc dùng để lấy cắp dữ liệu Phần mềm quảng cáo (adware), gián điệp (spyware), botnet, dò gõ phím (keystroke logging), quay số (dialler) và các Phần mềm tương tự. |
| IU14.2.2.4 | Biết một số hành vi tội phạm như thu thập trái phép thông tin, lừa đảo, truy nhập trái phép vào hệ thống máy tính. Biết một số phương thức thực hiện các hành vi phạm tội này như cuộc gọi qua điện thoại, lừa đảo (phishing), nhìn lén thông tin (shoulder surfing). |
| IU14.2.2.5 | Biết cách phòng chống mất cắp thông tin cá nhân và phòng chống lừa đảo, lợi dụng trên mạng cơ bản như không cung cấp thông tin nhạy cảm, cảnh giác với các giao dịch lạ, áp dụng mật mã đối với các thông tin nhạy cảm. |
| **IU14.2.3** | **Đảm bảo an toàn thông tin đối với tài liệu (tệp)** |
| IU14.2.3.1 | Biết tầm quan trọng và hiệu quả của việc thiết lập chế độ an toàn chung (macro security settings). |
| IU14.2.3.2 | Biết tầm quan trọng và cách đặt mật khẩu đối với tệp, tệp tin nén. |
| IU14.2.3.3 | Hiểu một số biện pháp mã hóa dữ liệu. Biết các ưu điểm và hạn chế khi sử dụng mật mã (encryption) đối với tài liệu. |
| **IU14.3** | **An toàn mạng** |
| **IU14.3.1** | **Các loại tấn công mạng** |
| IU14.3.1.1 | Biết một số phương thức tấn công mạng chủ yếu của tin tặc (hacker) như trinh sát, dò quét, tấn công vào các điểm yếu, sử dụng các lỗ hổng an toàn. Biết về một số dạng tấn công phổ biến qua mạng Internet chính như tấn công từ chối dịch vụ (DOS), botnet. |
| IU14.3.1.2 | Biết về các cơ chế và công nghệ chống lại tấn công trên mạng như phân vùng mạng, mạng riêng ảo (VPN), một số hệ thống bảo vệ phổ biến (ví dụ: tường lửa). Hiểu chức năng và giới hạn của tường lửa. |
| IU14.3.1.3 | Biết các công nghệ bảo vệ hệ thống cơ bản như đăng nhập, kiểm soát truy nhập, quản trị mật khẩu, quản trị người sử dụng, khai thác tệp tin hồ sơ truy nhập (log). |
| IU14.3.1.4 | Hiểu các chế độ đảm bảo an toàn của mạng: kiểm soát Phần mềm độc, kiểm soát truy nhập trái phép dữ liệu, đảm bảo tính riêng tư (maintaining privacy). Biết cách kết nối với một mạng có các chế độ đảm bảo an toàn đó. |
| **IU14.3.2** | **Bảo mật mạng không dây** |
| IU14.3.2.1 | Biết ưu/nhược điểm của các phương thức kết nối với một mạng (cáp, không dây). Biết các vấn đề liên quan đến bảo mật mạng không dây. Biết các nguy cơ bị nghe trộm và đánh cắp dữ liệu từ mạng không dây. |
| IU14.3.2.2 | Hiểu tầm quan trọng của việc bảo vệ mật khẩu truy cập cho mạng không dây. Biết cách kết nối với một mạng không dây được bảo vệ/không được bảo vệ. |
| IU14.3.2.3 | Biết các phương pháp bảo mật cho mạng không dây như WEP (Wired Equivalent Privacy), WPA (Wi-Fi Protected Access), WPA2 (Wi-Fi Protected Access 2), MAC (Media Access Control). |
| **IU14.3.3** | **Kiểm soát truy nhập (Access Control)** |
| IU14.3.3.1 | Biết nguyên lý và các kiến trúc hệ thống để phát hiện và chống xâm nhập trái phép. Biết các kỹ thuật phát hiện và ngăn chặn xâm nhập trái phép. |
| IU14.3.3.2 | Hiểu được Mục đích của một tài Khoản mạng và biết cách sử dụng nó để truy cập mạng. |
| IU14.3.3.3 | Biết cách vận dụng các chính sách mật khẩu tốt (không chia sẻ mật khẩu, thay đổi thường xuyên, đảm bảo chiều dài mật khẩu, mật khẩu có đầy đủ chữ, số và ký tự đặc biệt). |
| IU14.3.3.4 | Biết về các giải pháp bảo mật sử dụng công nghệ sinh trắc học trong kiểm soát truy cập như dấu vân tay, quét mắt. |
| **IU14.4** | **Sử dụng web an toàn** |
| **IU14.4.1** | **Duyệt web** |
| IU14.4.1.1 | Hiểu sự cần thiết khi thực hiện các giao dịch trực tuyến (mua hàng, giao dịch tài chính) trên các trang web an toàn. Biết các dấu hiệu của một trang web an toàn như https, biểu tượng khóa. |
| IU14.4.1.2 | Biết khái niệm xác thực số. Hiểu lợi ích của mật khẩu dùng một lần. |
| IU14.4.1.3 | Biết cách sử dụng chế độ tự động hoàn chỉnh, tự động lưu khi soạn thảo một biểu mẫu khai trên mạng. |
| IU14.4.1.4 | Hiểu thuật ngữ cookie và biết cách chọn các cài đặt thích hợp để cho phép hoặc ngăn chặn cookie. |
| IU14.4.1.5 | Biết cách xóa dữ liệu cá nhân từ một trình duyệt như lịch sử duyệt web (browsing history), các tệp Internet được lưu (cached Internet files), mật khẩu (password), cookies, các dữ liệu tự điền (autocomplete data). |
| IU14.4.1.6 | Hiểu được Mục đích, chức năng một số loại Phần mềm kiểm soát nội dung như Phần mềm lọc Internet, Phần mềm kiểm soát truy nhập Internet. |
| **IU14.4.2** | **Mạng xã hội** |
| IU14.4.2.1 | Hiểu biết về mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội. Hiểu được tầm quan trọng của việc không tiết lộ thông tin bí mật trên các trang web mạng xã hội. |
| IU14.4.2.2 | Hiểu sự cần thiết phải áp dụng các đặc tính riêng tư cho tài Khoản mạng xã hội. |
| **IU14.4.3** | **Thư điện tử** |
| IU14.4.3.1 | Hiểu Mục đích của việc mã hóa, giải mã đối với thư điện tử (e-mail). |
| IU14.4.3.2 | Hiểu thuật ngữ chữ ký số. Biết cách tạo và điền một chữ ký số vào thư điện tử. |
| IU14.4.3.3 | Nhận biết nguy cơ từ các thư điện tử không rõ nguồn gốc. |
| IU14.4.3.4 | Biết khái niệm lừa đảo (phishing). Biết các đặc điểm chung của lừa đảo như dùng tên của các công ty, cá nhân hợp pháp, các liên kết web không đúng. |
| IU14.4.3.5 | Biết mối nguy hiểm đối với máy tính khi mở thư có đính kèm Phần mềm độc. Biết cách phòng ngừa khi mở các thư có đính kèm các tệp đáng nghi. |
| **IU14.4.4** | **Tin nhắn tức thời** |
| IU14.4.4.1 | Hiểu biết về các lỗ hổng bảo mật đối với tin nhắn tức thời (IM) như Phần mềm xấu, truy nhập theo lối cửa sau (backdoor access). |
| IU14.4.4.2 | Biết cách áp dụng các phương pháp bảo mật khi dùng nhắn tin như dùng mật mã, không để lộ thông tin quan trọng, hạn chế chia sẻ tệp. |
| **IU14.5** | **Quản lý dữ liệu an toàn** |
| **IU14.5.1** | **Bảo vệ vật lý và sao lưu dữ liệu** |
| IU14.5.1.1 | Biết các cách bảo vệ vật lý cho thiết bị như khóa vị trí và chi tiết về thiết bị, khóa cáp (cable locks), kiểm soát tiếp cận vật lý. |
| IU14.5.1.2 | Biết khái niệm sao lưu (backup) dữ liệu và tầm quan trọng của việc này. Biết các chế độ sao lưu và vai trò của chúng như sao lưu thường xuyên, theo lịch, theo địa điểm. |
| IU14.5.1.3 | Biết cách sao lưu dữ liệu. |
| IU14.5.1.4 | Biết cách khôi phục dữ liệu sao lưu và xác nhận dữ liệu. |
| **IU14.5.2** | **Phá hủy dữ liệu an toàn** |
| IU14.5.2.1 | Hiểu được lý do xóa dữ liệu vĩnh viễn từ ổ đĩa hoặc các thiết bị lưu trữ khác. |
| IU14.5.2.2 | Phân biệt giữa việc xóa dữ liệu và hủy dữ liệu vĩnh viễn. |
| IU14.5.2.3 | Biết ưu nhược điểm của các phương pháp hủy dữ liệu vĩnh viễn phổ biến như phá ổ đĩa, dùng công cụ phá hủy. |